

Số: 1636/2023/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 31 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397, điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 2264/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Nguyễn Thị Sáu T**, sinh năm 1983.

2. Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1982.

Cùng hộ khẩu thường trú: số B, tổ B, khu phố F, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 09 tháng 10 năm 2023, anh **Nguyễn Văn C** và chị **Nguyễn Thị Sáu T** nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Hồ sơ được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiếp nhận giải quyết. Quá trình vận động hòa giải, anh **Nguyễn Văn C** và chị **Nguyễn Thị Sáu T** thống nhất không hòa giải đoàn tụ. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung vào ngày 23 tháng 10 năm 2023. Anh **Nguyễn Văn C**, chị **Nguyễn Thị Sáu T** có cùng hộ khẩu thường

trú và hiện đang cùng cư trú tại phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Sáu T đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, đơn yêu cầu của anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Sáu T được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Sáu T kết hôn với nhau vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 110, Quyển số 01/2005, ngày 13/4/2005. Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Sáu T có 02 con chung tên Nguyễn Lan A, sinh ngày 13/10/2005 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 02/9/2011. Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Sáu T xác định tài sản chung tự thỏa thuận và không có nợ chung.

Trong quá trình chung sống, anh chị thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Anh C và chị T xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con chung.

Xét thấy anh C và chị T thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; sự thỏa thuận của anh C và chị T đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ con. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của anh C và chị T.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Sáu T.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Sáu T xác định có 02 con chung tên Nguyễn Lan A, sinh ngày 13/10/2005 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 02/9/2011. Ly hôn, vì cháu Lan A đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên anh C, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh C, chị T thỏa thuận giao cháu Minh K cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời, anh C không cấp dưỡng nuôi con.

Anh **Nguyễn Văn C** không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Anh **Nguyễn Văn C** và chị **Nguyễn Thị Sáu T** khai tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Anh **Nguyễn Văn C** và chị **Nguyễn Thị Sáu T** khai không có nên không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh **Nguyễn Văn C** và chị **Nguyễn Thị Sáu T** mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0009145 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, anh **C** và chị **T** đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phú